

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAI LẬY **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **78/2024/DS-ST**

Ngày: 02/7/2024

V/v tranh chấp: “Bồi thường thiệt
hại về tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Tư**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **7** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 485/2023/TLST-DS ngày 23/11/2023 về việc tranh chấp: “Bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-DS ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lê Văn V**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

* Bị đơn: 1/ Anh **Lương Văn Đ**, sinh năm 1980

2/ Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: **ấp D, xã M, huyện C, Tiền Giang**.

(Anh **Vũ**, anh **Đ**, chị **T** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/11/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Lê Văn V** trình bày:

Anh **V** có vườn mít tọa lạc **ấp D, xã M, huyện C, Tiền Giang** nằm cặp ranh với đất anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T**, ngày 12/6/2023 vợ chồng anh **Đ** và chị **T** đốt rơm ruộng làm lửa cháy sang vườn cây của anh **V** gây thiệt hại 14 cây mít, 06 cây dứa, 06 cây mai vàng. Sau đó anh **V** có báo với chính quyền địa phương và công an để giải quyết. Ngày 21/8/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **Công an huyện C** đã có kết luận định giá xác định tổng giá trị thiệt hại các cây trồng với số tiền 13.169.150 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C** ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 59 ngày 30/9/2023 do không có sự việc phạm tội xảy ra, nên anh **V** khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn chỉ đồng ý bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Nay anh **V** yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** bồi thường thiệt hại các cây trồng 14 cây mít, 06 cây dứa, 06 cây mai vàng với số tiền 13.169.150 đồng.

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu bị đơn chị **T** và anh **Đ** hoàn trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** cùng trình bày:

Vợ chồng anh **Đ** và chị **T** thừa nhận vào ngày 12/6/2023 có đốt rơm ruộng do gió nhiều làm lửa cháy lan vào vườn mít của anh **V** gây thiệt hại 14 cây mít, 06 cây dứa, 06 cây mai vàng. Tuy nhiên, do sau khi bị lửa cháy một số cây mít vẫn còn sống phục hồi được, nhưng anh **V** lại đốn cây không để cho cây phục hồi lại. Hiện tại qua xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì số cây ông **V** đã đốn còn gốc gồm 13 cây mít (trong đó có 02 cây mít mới trồng), 05 cây dứa mới trồng.

Nay vợ chồng anh **Đ** và chị **T** chỉ đồng ý bồi thường chi phí mua cây giống và phân thuốc lại cho anh **V** với số tiền 7.000.000 đồng, chứ không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh **V** số tiền 13.169.150 đồng.

Về chi phí tố tụng: Không đồng ý hoàn trả lại chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ cho anh **V** số tiền 1.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và lời khai các đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh **V** là có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **V**. Buộc chị **T** và anh **Đ** bồi thường thiệt hại cho anh **V** đối với số cây trồng bị cháy số tiền 13.169.150 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn anh **V** yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** bồi thường thiệt hại các cây trồng đã chết gồm 14 cây mít, 06 cây dứa, 06 cây mai vàng số tiền 13.169.150 đồng; Bị đơn anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** chỉ đồng ý bồi thường chi phí mua cây giống và phân thuốc lại cho anh **V** với số tiền 7.000.000 đồng.

[2] Xét, ngày 12/6/2023 vợ chồng anh **Đ** và chị **T** đốt rơm ruộng làm lửa cháy sang vườn cây của anh **V** gồm 14 cây mít, 06 cây dứa, 06 cây mai vàng, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C** ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 59 ngày 30/9/2023 do không có sự việc phạm phạm tội, nên anh **V** khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bồi thường thiệt hại số cây trồng bị thiệt hại. Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh **Đ** và chị **T** thừa nhận sự việc anh chị có đốt rơm ruộng làm lửa cháy sang vườn mít của anh **V** gây thiệt hại, nên lời thừa nhận của bị đơn đây là

tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn anh **V** yêu cầu anh **Đ** và chị **T** bồi thường số tiền 13.169.150 đồng, bị đơn anh **Đ** và chị **T** chỉ đồng ý bồi thường 7.000.000 đồng. Xét, căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024 của Tòa án qua xem xét thẩm định thực tế thì số cây trồng bị thiệt hại anh **V** đã đôn chỉ còn gốc gồm 11 cây mít loại A; 02 cây mít loại C và 05 cây dứa loại C. Đồng thời, qua xem xét thẩm định tại chỗ và đối chiếu thực tế với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường các cây trồng bị cháy do Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C** lập và vẽ sơ đồ ngày 23/6/2023 thì 11 cây mít loại A hiện chỉ còn gốc có ký hiệu số 02 (bị cháy 40%), số 06 (bị cháy 50%), số 07 (bị cháy 90%), số 11 (bị cháy 20%), số 12 (bị cháy 30%), số 14 (bị cháy 40%), số 15 (bị cháy 90%), số 18 (bị cháy 40%), số 20 (bị cháy 90%), số 22 (bị cháy 20%), số 26 (bị cháy 40%); 02 cây mít loại C hiện còn gốc có ký hiệu số 05 (bị cháy 100%), **số A** (bị cháy 100%); 05 cây dứa loại C hiện chỉ còn gốc có ký hiệu số 09 (bị cháy 90%), **số A** (bị cháy 100%), **số A** (bị cháy 90%), số 23 (bị cháy 100%), số 25 (bị cháy 95%). Như vậy, căn cứ theo kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tổng giá trị cây trồng bị thiệt hại như sau:

- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 02 bị cháy 40%: Giá trị 826.800 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 06 bị cháy 50%: Giá trị 1.033.500 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 07 bị cháy 90%: Giá trị 1.860.300 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 11 bị cháy 20%: Giá trị 413.400 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 12 bị cháy 30%: Giá trị 620.100 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 14 bị cháy 40%: Giá trị 826.800 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 15 bị cháy 90%: Giá trị 1.860.300 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 18 bị cháy 40%: Giá trị 826.800 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 20 bị cháy 90%: Giá trị 1.860.300 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 22 bị cháy 20%: Giá trị 413.400 đồng.
- + 01 cây Mít loại A ký hiệu số 26 bị cháy 40%: Giá trị 826.800 đồng.
- + 01 cây Mít loại C ký hiệu số 05 bị cháy 100%: Giá trị 145.000 đồng.
- + 01 cây Mít loại C ký hiệu số 10 bị cháy 100%: Giá trị 145.000 đồng.
- + 01 cây Dứa loại C ký hiệu số 09 bị cháy 90%: Giá trị 191.700 đồng.
- + 01 cây Dứa loại C ký hiệu số 16 bị cháy 100%: Giá trị 213.000 đồng.
- + 01 cây Dứa loại C ký hiệu số 19 bị cháy 90%: Giá trị 191.700 đồng.
- + 01 cây Dứa loại C ký hiệu số 23 bị cháy 100%: Giá trị 213.000 đồng.
- + 01 cây Dứa loại C ký hiệu số 25 bị cháy 95%: Giá trị 202.350 đồng.

[4] Như vậy, tổng giá trị cây trồng của anh **V** bị thiệt hại có giá trị 12.670.250 đồng. Còn anh **V** yêu cầu anh **Đ** và chị **T** bồi thường toàn bộ cây trồng, nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024 thì 01 cây mít loại A, 01 cây dứa loại C và 06 cây mai vàng loại C hiện còn sống không có thiệt hại thì anh **Đ** và chị **T** không phải bồi thường các cây này, nên buộc anh **Đ** và chị **T** bồi thường thiệt hại cho anh **V** số tiền 12.670.250 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh **V** có yêu cầu anh **Đ** và chị **T** hoàn trả chi

phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.000.000 đồng. Xét, do bị đơn anh **Đ** và chị **T** không đồng ý bồi thường, do các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án nên Tòa án có tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, do yêu cầu khởi kiện của anh **V** có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận nên buộc anh **Đ** và chị **T** có nghĩa vụ hoàn lại chi phí tố tụng số tiền 1.000.000 đồng cho anh **V** là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 155, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Tại phiên tòa, hai bên đương sự không thỏa thuận được về thời gian bồi thường. Cho nên, về phương thức bồi thường, thời gian bồi thường số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.[6] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **V** căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên các đương sự phải chịu án phí như sau:

+ Anh **Lê Văn V** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** phải chịu 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn V**.

Buộc anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** bồi thường thiệt hại cho anh **Lê Văn V** đối với 11 cây mít loại A, 02 cây mít loại C và 05 cây dừa loại C bị cháy với số tiền 12.670.250 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Buộc anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho anh **Lê Văn V** với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn V** về việc yêu cầu anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** bồi thường thiệt hại 01 cây mít loại A, 01 cây dừa loại C, 06 cây mai vàng với số tiền 498.900 đồng (Bốn trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng).

3. Về án phí: Buộc anh **Lương Văn Đ** và chị **Trần Thị T** phải chịu 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh **Lê Văn V** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 329.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín ngàn) tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0002043 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn lại cho anh **V** 29.000 đồng (Hai mươi chín ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Anh **Lê Văn V**, chị **Trần Thị T**, anh **Lương Văn Đ** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe